TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2020/QĐST-HNGĐ	Yên Mô, ngày 25 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2020/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

* Bị đơn: Anh **Vũ Đức H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 2, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/12/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/12/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị T và anh Vũ Đức H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Hạ V sinh ngày 10/12/2014 cho chị

T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc; anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu V được chung sống với chị T. Anh H được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh H không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Chị Hoàng Thị T và anh Vũ Đức H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T và anh Vũ Đức H đều thống nhất thỏa thuận: chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định. Số tiền án phí ly hôn chị T phải nộp là 150.000đ; số tiền án phí cấp dưỡng chị T phải nộp là 150.000đ. Tổng số tiền án phí mà chị T phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002378 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quay định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện Yên Mô;*
- *THADS huyện Yên Mô;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Mai Sơn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
(ĐÃ ký)

Nguyễn Thị Hoa